

# PART 3: CÂU HỎI VỀ DANH TÍNH NGƯỜI NÓI



# 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi về danh tính người nói thường là câu hỏi **đầu tiên** hoặc **thứ 2** trong bài. Thông tin để trả lời dạng câu hỏi này cũng xuất hiện ở **phần đầu tiên** của cuộc hội thoại.

Các câu hỏi danh tính nhân vật thường là:

- Who most likely is the man?
- Who most likely are the speakers?
- Who is the man talking to?
- Who is the man having a conversation with?
- What is the man's occupation?
- What does the speaker most likely work for?
- What business does the man work for?

## 2. CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

## 2.1. Hỏi về nghề nghiệp, chức vụ của người nói

- Nghề nghiệp, chức vụ của người nói được nhắc đến trực tiếp



**Q: Who is the man?  
Người đàn ông là ai?**

**(A) A news reporter**

Một phóng viên

**(B) A photographer**

Một nhiếp ảnh gia

**(C) A fashion designer**

Một nhà thiết kế thời trang

**(D) A translator**

Một dịch giả

**Man: Ms. Khan, this is James Wilson, one of the freelance photographers for your magazine. I'm calling about the September issue.**

**Woman: Right. I know we're using some of your photos for the special spread about homes in San Francisco.**

**Q: Who is the man?  
Người đàn ông là ai?**

**(A) A news reporter**

Một phóng viên

**(B) A photographer**

Một nhiếp ảnh gia

**(C) A fashion designer**

Một nhà thiết kế thời trang

**(D) A translator**

Một dịch giả

Man: Ms. Khan, this is James Wilson, one of the **freelance photographers** for your magazine. I'm calling about the September issue.

Woman: Right. I know we're using some of your photos for the special spread about homes in San Francisco.

=> Người nói tự giới thiệu nghề nghiệp

Q: Who is the man?

Người đàn ông là ai?

(A) A news reporter

Một phóng viên

(B) A **photographer**

Một nhiếp ảnh gia

(C) A fashion designer

Một nhà thiết kế thời trang

(D) A translator

Một dịch giả

- Nghề nghiệp, chức vụ của người nói được nhắc đến gián tiếp

- Example 1:



**Q: Who most likely is the man?**

Người đàn ông có thể là ai?

**(A) A supermarket manager.**

Quản lý siêu thị.

**(B) An appliance store employee.**

Nhân viên cửa hàng thiết bị.

**(C) An ice cream shop owner.**

Chủ cửa hàng kem.

**(D) A real estate agent**

Nhân viên tư vấn bất động sản.

- Example 1:

**Man: Welcome to Pavilion Appliance Store. How can I help you?**

**Woman: Well, the handle on the door of my refrigerator broke off.**

**Q: Who most likely is the man?**

Người đàn ông có thể là ai?

**(A) A supermarket manager.**

Quản lý siêu thị.

**(B) An appliance store employee.**

Nhân viên cửa hàng thiết bị.

**(C) An ice cream shop owner.**

Chủ cửa hàng kem.

**(D) A real estate agent**

Nhân viên tư vấn bất động sản.

- Example 1:

Man: Welcome to **Pavilion Appliance Store**. How can I help you?

Woman: Well, the handle on the door of my refrigerator broke off.

=> Dựa vào nơi làm việc để suy ra nghề nghiệp

**Q: Who most likely is the man?**

Người đàn ông có thể là ai?

**(A) A supermarket manager.**

Quản lý siêu thị.

**(B) An appliance store employee.**

Nhân viên cửa hàng thiết bị.

**(C) An ice cream shop owner.**

Chủ cửa hàng kem.

**(D) A real estate agent**

Nhân viên tư vấn bất động sản.

- Example 2:



**Q: Who most likely are the speakers?**

Những người nói có thể là ai?

**(A) Travel agents.**

Nhân viên tư vấn du lịch.

**(B) Security guards.**

Nhân viên bảo vệ.

**(C) Sales representatives.**

Người đại diện kinh doanh.

**(D) Event caterers**

Người cung cấp dịch vụ sự kiện.

- Example 2:

Woman: Hey, Yoon-Ho. Did you get the draft of the sales presentation I sent you for the conference next week?

Man: Yes. I really like the slides on our most effective sales strategies, but adding some charts would help the audience. Can you update the slides sometime today?

**Q: Who most likely are the speakers?**

Những người nói có thể là ai?

**(A) Travel agents.**

Nhân viên tư vấn du lịch.

**(B) Security guards.**

Nhân viên bảo vệ.

**(C) Sales representatives.**

Người đại diện kinh doanh.

**(D) Event caterers**

Người cung cấp dịch vụ sự kiện.

- Example 2:

Woman: Hey, Yoon-Ho. Did you get the draft of the **sales presentation** I sent you for the conference next week?

Man: Yes. I really like the slides on our most effective **sales strategies**, but adding some charts would help the audience. Can you update the slides sometime today?

=> Dựa vào thông tin về tài liệu công việc để suy ra nghề nghiệp

**Q: Who most likely are the speakers?**

Những người nói có thể là ai?

**(A) Travel agents.**

Nhân viên tư vấn du lịch.

**(B) Security guards.**

Nhân viên bảo vệ.

**(C) Sales representatives.**

Người đại diện kinh doanh.

**(D) Event caterers**

Người cung cấp dịch vụ sự kiện.

**Lưu ý:** Câu hỏi có thể hỏi về danh tính của **một** người (example 1) hoặc cả **hai** người (example 2).

## 2.2. Hỏi về nơi làm việc của người nói

**Q: What kind of a business does the man most likely work for?**

Người đàn ông có thể làm cho loại hình doanh nghiệp nào?

**(A) A legal consulting firm**

Một công ty tư vấn luật

**(B) An architecture firm**

Một công ty kiến trúc

**(C) A film production company**

Một công ty sản xuất phim

**(D) A book publishing company**

Một công ty xuất bản sách



Woman: **Ellenville Public Library. How can I help you?**  
Man: Hi, I'm calling from the company **Grover and James**. We're interested in filming a scene for a **movie** in the lobby of the library. Its historic architecture is just what we're looking for.

**Q: What kind of a business does the man most likely work for?**

Người đàn ông có thể làm cho loại hình doanh nghiệp nào?

**(A) A legal consulting firm**

Một công ty tư vấn luật

**(B) An architecture firm**

Một công ty kiến trúc

**(C) A film production company**

Một công ty sản xuất phim

**(D) A book publishing company**

Một công ty xuất bản sách

Woman: **Ellenville Public Library. How can I help you?**  
Man: Hi, I'm calling from the company Grover and James. We're interested in **filming a scene for a movie** in the lobby of the library. Its historic architecture is just what we're looking for.

=> Dựa vào mục đích cuộc gọi để suy luận

**Q: What kind of a business does the man most likely work for?**

Người đàn ông có thể làm cho loại hình doanh nghiệp nào?

**(A) A legal consulting firm**

Một công ty tư vấn luật

**(B) An architecture firm**

Một công ty kiến trúc

**(C) A film production company**

Một công ty sản xuất phim

**(D) A book publishing company**

Một công ty xuất bản sách

### 3. LƯU Ý TRÁNH BÃY

- Bẫy nhầm lẫn thông tin giữa nhân vật nam và nữ

Woman: **Ellenville Public Library.**  
How can I help you?

Man: Hi, I'm calling from the company Grover and James. We're interested in **filming a scene for a movie** in the lobby of the library. Its historic architecture is just what we're looking for.

=> Chú ý câu hỏi về the man, không phải the woman

Q: **What kind of a business does the man most likely work for?**

Người đàn ông có thể làm cho loại hình doanh nghiệp nào?

(A) **A legal consulting firm**

Một công ty tư vấn luật

(B) **An architecture firm**

Một công ty kiến trúc

(C) **A film production company**

Một công ty sản xuất phim

(D) **A book publishing company**

Một công ty xuất bản sách

**Lưu ý:** Khi đọc câu hỏi cần lưu ý đến việc câu hỏi về đối tượng nào (**the man** hay **the woman** hay **the speakers**).

Khi nghe băng cần ghi nhớ phân biệt **thông tin nào của ai** để tránh nhầm lẫn.

- Bấy thông tin gây nhiễu

- Example 1:

Man: Ms. Khan, this is James Wilson, one of the **freelance photographers** for your **magazine**. I'm calling about the **September** issue.

Woman: Right. I know we're using some of your photos for the special spread about homes in San Francisco.

=> Magazine là thông tin gây nhiễu

Q: Who is the man?

Người đàn ông là ai?

(A) A **news reporter**

Một phóng viên

(B) A **photographer**

Một nhiếp ảnh gia

(C) A **fashion designer**

Một nhà thiết kế thời trang

(D) A **translator**

Một dịch giả

- Example 2:

Woman: **Ellenville Public Library. How can I help you?**

Man: Hi, I'm calling from the company Grover and James. We're interested in **filming a scene for a movie** in the lobby of the library. Its **historic architecture** is just what we're looking for.

=> Historic architecture là thông tin gây nhiễu

**Q: What kind of a business does the man most likely work for?**

Người đàn ông có thể làm cho loại hình doanh nghiệp nào?

**(A) A legal consulting firm**

Một công ty tư vấn luật

**(B) An architecture firm**

Một công ty kiến trúc

**(C) A film production company**

Một công ty sản xuất phim

**(D) A book publishing company**

Một công ty xuất bản sách

**Kết luận:** Thông tin gây nhiễu là một dạng bẫy phổ biến trong part 3 nói riêng và TOEIC Listening nói chung. Thí sinh cần luyện kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, nắm bắt thông tin trọng tâm, tránh lạm dụng tips, tricks để tránh mắc phải những bẫy phía trên.